

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG W-ARCHI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG W-ARCHI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: W-ARCHI CONSTRUCTION AND ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: W-ARCHI

2. Mã số doanh nghiệp: 0108918363

3. Ngày thành lập: 25/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 30, ngõ 46, phố Tương Mai, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986316946

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; - Hoạt động đo đạc và bản đồ.	7110(Chính)
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình thủy	4291
8.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công ...).	4299
10.	Xây dựng công trình điện	4221
11.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
12.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

13.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên (Trừ hoạt động của sân nhảy).	9329
20.	Quảng cáo (trừ các loại Nhà nước cấm)	7310
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
23.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
25.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27.	Sản xuất điện	3511
28.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ Hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
31.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
32.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
33.	Đại lý du lịch	7911
34.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.	7912

35.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
36.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	7020
37.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
38.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
39.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây	4620
40.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
42.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
43.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: - Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (trong nhà hoặc ngoài trời có hoặc không có mái che, có hoặc không có chỗ ngồi cho khán giả): + Sân vận động bóng đá, khúc côn cầu, cricket, bóng chày, + Đường đua ô tô, đua chó, đua ngựa, + Bể bơi và sân vận động, + Đường đua và các sân vận động, + Đấu trường thể thao và sân vận động mùa đông, + Sân đấu bốc, + Kinh doanh sân golf 18 lỗ, + Kinh doanh sân tập golf, + Đường chơi bowling; - Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao chuyên nghiệp và nghiệp dư trong nhà và ngoài trời của các nhà tổ chức sở hữu các cơ sở đó; - Quản lý và cung cấp nhân viên cho hoạt động của các cơ sở này.	9311
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (trừ Hoạt động của các đấu giá viên); - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài).	4610
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
48.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
49.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
50.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
51.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
52.	Khai thác muối	0893
53.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Vận tải đường ống	4940
58.	Khai thác dầu thô	0610
59.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
60.	Khai thác quặng sắt	0710
61.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
62.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
63.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ các loại Nhà nước cấm)	1812
64.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
65.	Giáo dục nhà trẻ	8511
66.	Giáo dục mẫu giáo	8512
67.	Giáo dục tiểu học	8521
68.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
69.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
70.	Đào tạo cao đẳng	8533
71.	Đào tạo đại học	8541
72.	Đào tạo thạc sỹ	8542
73.	Đào tạo tiến sỹ	8543
74.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
75.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
76.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

77.	Khai thác và thu gom than non	0520
78.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ phân bón.	4773
79.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
80.	Trồng cây ăn quả	0121
81.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
82.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
83.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
84.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên	0119
85.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
87.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
88.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4669
90.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
91.	Thu gom rác thải độc hại	3812
92.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
93.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
94.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Định giá bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Tư vấn bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); - Quản lý bất động sản.	6820
95.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao; Hoạt động hỗ trợ cho câu cá	9319
96.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
97.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922

98.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
99.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng taxi; - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt).	4931
100.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
101.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
102.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
103.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
104.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
105.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, văn phòng, y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
106.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
107.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
108.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và các loại Nhà nước cấm)	4662
109.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

6. Vốn điều lệ: 7.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 790.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CAO QUÝ ANH	P54 – F3 Tập thể Nhà máy Trần Hưng Đạo, phố Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	237.000	2.370.000.000	30,000	001083022606	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	237.000	2.370.000.000	30,000		
2	CAO QUÝ MINH	P54 – F3 Tập thể Nhà máy Trần Hưng Đạo, phố Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	316.000	3.160.000.000	40,000	001085018367	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	316.000	3.160.000.000	40,000		

3	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	Số 30 Ngõ 216 đường Nguyễn An Ninh, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	237.000	2.370.000.000	30,000	001086015943
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	237.000	2.370.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO QUÝ MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085018367

Ngày cấp: 27/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P54 – F3 Tập thể Nhà máy Trần Hưng Đạo, phố Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P54 – F3 Tập thể Nhà máy Trần Hưng Đạo, phố Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội